

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI LAI  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DSST  
Ngày: 07 – 4 – 2023.  
V/v: “*Tranh chấp về hụi*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lý Hồng Hạnh**  
2. Ông **Phan Tấn Lạc**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Phúc Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Bích Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc “tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955 (Có mặt)

Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Bà có tham gia 01 chung hụi mùa 5.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B làm chủ, áp vào ngày 15/1/2017 (al) gồm có 14 phần, bà đã đóng đủ 11 lần hụi sống nên bà được hưởng 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) nhưng bà T, ông B không giao. Số tiền thực tế bà đã đóng là bao nhiêu thì bà không nhớ. Sau khi đóng đủ 11 lần thì bà T, ông B tuyên bố bẻ hụi nhưng không giao đủ số tiền bà được hưởng.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả số tiền hội 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà có làm chủ hội và bà Phan Thị H tham gia 01 chung hội mùa 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), áp vào ngày 15/1/2017 (al) gồm có 14 phần, bà H đã đóng đủ 11 lần hội sống, tổng cộng số tiền thực tế bà H đã đóng là 28.750.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do người chơi giựt hội của bà, không đóng hội nên bà tuyên bố bãi hội và không giao hội cho bà H được. Việc làm chủ hội này là chỉ riêng mình bà, ông Nguyễn Văn B không hay biết gì. Đề nghị khi nào những người thiếu tiền trả bà thì bà sẽ trả số tiền thực tế bà H đã đóng là 28.750.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là nợ của bà chứ không liên quan gì ông Nguyễn Văn B.

*Ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.*

*Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 36.000.000 đồng thực tế đã đóng; Bị đơn bà Nguyễn Thị T chỉ đồng ý trả số tiền 28.750.000 đồng và cho rằng đây là nghĩa vụ của bà, không liên quan ông Nguyễn Văn B; Ông Nguyễn Văn B vắng mặt.*

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hội 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) là số tiền hội thực tế đã đóng, bị đơn bà T chỉ đồng ý trả 28.750.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được xem xét, đối chiếu với các quy định của pháp luật, nhận thấy: Chứng cứ là các Bảng hợp đồng góp vốn - sản xuất có lãi; lời trình bày của nguyên đơn và lời thừa nhận của bị đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ hội 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hội nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hội” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị T thống nhất bà H có tham gia chơi 01 chung hội mùa 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do bà T làm chủ, áp vào ngày 15/1/2017 (al) gồm có 14 phần như nội dung trong tờ “Bằng hợp đồng góp vốn sản xuất có lãi ngày 15 tháng giêng 2017”, bà H đã đóng được 11 lần thì bà T tuyên bố bế hội, bà T không giao đủ tiền cho bà H.

Tại phiên tòa, bà H trình bày đã đóng thực tế số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; bà T trình bày bà H đã đóng số tiền thực tế 28.750.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Xét nội dung tờ “Bằng hợp đồng góp vốn sản xuất có lãi ngày 15 tháng giêng 2017” thể hiện giá chết 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T, bà H thừa nhận 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là giá sản để hốt hội, việc kêu hội để hốt hội không được thấp hơn 1.500.000 đồng/ lần. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bà Phan Thị H đã đóng thực tế 11 lần Tổng đương 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền thực tế đã đóng là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Đây là sự tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới của bị đơn: Bà T cho rằng việc bà làm chủ hội ông B không hay biết, không liên quan gì.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận: *“Ông Nguyễn Văn B không cho bà làm chủ hội. Việc khai hội diễn ra tại nhà trước hoặc nhà sau của bà. Khi bà không có nhà, ông B nhờ con cháu gần nhà sang khai hội dùm bà. Ông B có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc bà H khởi kiện nhưng do nhà chỉ có vợ chồng ông bà và đứa cháu nhỏ, nếu bà đi thì ông B phải ở nhà giữ cháu, không thể cùng đi hai*

người”. Đồng thời bà T thừa nhận bà và ông B vẫn là vợ chồng, sống chung nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông B vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông B phải chịu hậu quả của việc tự từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ xác định việc nợ hui của bà Phan Thị H là nghĩa vụ chung của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn B.

[2.4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đề nghị giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.5] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B trả cho bà Phan Thị H số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.
2. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Bà Phan Thị H được nhận lại 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005749 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

**Phan Nguyễn Minh Trí**